

3. Phát hiện và báo cáo kịp thời hoặc tích cực tham gia cứu chữa công trình giao thông đường thủy nội địa khi có sự cố;

4. Phát hiện, tố giác hành vi xâm phạm, phá hoại công trình giao thông đường thủy nội địa.

Điều 41. Người nào vi phạm các quy định về bảo vệ công trình giao thông đường thủy nội địa thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả xảy ra mà bị xử lý kỷ luật, bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định số 40/CP ngày 05 tháng 7 năm 1996 và Nghị định số 77/1998/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 1998 của Chính phủ về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa; trường hợp gây thiệt hại phải bồi thường, nếu gây hậu quả nghiêm trọng thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2000. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Nghị định này.

Điều 43. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị định này.

Điều 44. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 172/1999/NĐ-CP ngày 07/12/1999 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường bộ.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông ngày 02 tháng 12 năm 1994;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 06 tháng 7 năm 1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định phạm vi bảo vệ công trình giao thông đường bộ, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ công trình giao thông đường bộ và việc xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình giao thông đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng các quy định của Nghị định này bao gồm hệ thống quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường chuyên dùng, kể cả đường do các tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư xây dựng, tự hoàn vốn trên lãnh thổ Việt Nam để phục vụ giao thông công cộng.

Điều 3. Công trình giao thông đường bộ được bảo vệ bao gồm:

1. Nền đường, mặt đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước;

2. Các loại cầu, cống, kè, tường chắn, hầm, công trình ngầm, đường ngầm, đường tràn, đường cứu nạn;

3. Bến phà, bến cầu phao, các bến dự phòng, các công trình và thiết bị hai đầu bến, nơi cất giấu các phương tiện vượt sông và các thiết bị phụ trợ;

4. Các công trình chống va, công trình chỉnh trị dòng nước;

5. Đảo hướng dẫn giao thông, dải phân cách, hệ thống cọc tiêu biển báo, tường hộ lan, tường phòng vệ, mốc chỉ giới, mốc đo đạc, cột cây số, đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu điều khiển giao thông và các công trình phụ trợ an toàn giao thông;

6. Bến xe, bãi đỗ xe (bao gồm cả các công trình phụ trợ), nhà chờ xe dọc đường;

7. Trạm cân xe, các thiết bị đếm xe trên đường, trạm thu phí cầu đường, trạm điều khiển giao thông, chốt phân luồng.

Điều 4. Hành lang bảo vệ công trình giao thông đường bộ bao gồm phần trên mặt đất, phần trên không, phần dưới mặt đất, phần nước liền kề công trình giao thông đường bộ có tác dụng để phòng và ngăn ngừa các tác động làm ảnh hưởng đến sự bền vững của công trình, bảo đảm an toàn cho các hoạt động giao thông vận tải đường bộ, bảo đảm cảnh quan, vệ sinh môi trường.

Chương II

GIỚI HẠN HÀNH LANG BẢO VỆ CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 5. Giới hạn hành lang bảo vệ đối với đường được quy định như sau:

1. Đối với đường ngoài khu vực đô thị, căn cứ cấp kỹ thuật của đường theo quy hoạch, tính từ mép chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào hoặc từ mép ngoài rãnh dọc hoặc rãnh đỉnh của đường trở ra hai bên là:

- 20m (hai mươi mét) đối với đường cao tốc và đường cấp 1, cấp 2;

- 15m (mười lăm mét) đối với đường cấp 3;

- 10m (mười mét) đối với đường cấp 4, cấp 5;

- Đối với đường liên thôn, liên xã, do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quy định nhưng hành lang mỗi bên không nhỏ hơn bề rộng một thân đường.

2. Đối với đường trong khu vực đô thị thuộc thành phố, thị xã, thị trấn, giới hạn hành lang bảo vệ bằng bề rộng vỉa hè hoặc chỉ giới xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

3. Đối với đường bộ song song với sông ngòi, kênh rạch, vùng nước có khai thác vận tải thủy mà hành lang chống lấn, giới hạn hành lang bảo vệ đường bộ tính từ mép bờ cao trở về phía đường bộ.

4. Đối với đường bộ song song liền kề với đường sắt mà hành lang bảo vệ chống lấn, ranh giới hành lang bảo vệ do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định.

Điều 6. Giới hạn hành lang bảo vệ đối với cầu, cống được quy định như sau:

1. Đối với cầu ngoài khu vực đô thị:

a) Theo chiều dọc cầu, từ đuôi mố cầu ra mỗi bên là:

- 50m (năm mươi mét) đối với cầu có chiều dài từ 60m trở lên;

- 30m (ba mươi mét) đối với cầu có chiều dài dưới 60m.

Trong trường hợp cầu có đường dốc lên, xuống lớn hơn quy định trên đây thì giới hạn hành

lang bảo vệ được tính từ đuôi mố cầu ra đến hết chân dốc.

b) Theo chiều ngang cầu, từ phạm vi tiếp giáp với cầu, kể từ điểm ngoài cùng của kết cấu cầu trở ra mỗi phía là:

- 150m (một trăm năm mươi mét) đối với cầu có chiều dài lớn hơn 300m;

- 100m (một trăm mét) đối với cầu có chiều dài từ 60m đến 300m;

- 50m (năm mươi mét) đối với cầu có chiều dài từ 20m đến dưới 60m;

- 20m (hai mươi mét) đối với cầu có chiều dài dưới 20m.

2. Đối với cầu trong khu vực đô thị:

a) Theo chiều dọc cầu, quy định như điểm a khoản 1 Điều này.

b) Theo chiều ngang cầu:

- Từ mép lan can ngoài cùng của cầu trở ra mỗi bên 7m (bảy mét) đối với cầu chạy trên cạn, kể cả cầu lớn có phần chạy trên phần đất chỉ ngập khi có nước lũ;

- Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và có giới hạn theo chiều dọc cầu là khoảng cách 2 mép bờ cao của sông đối với cầu chạy trên phần có nước thường xuyên.

3. Đối với cống, giới hạn hành lang bảo vệ theo chiều dọc cống về hai phía bằng bề rộng hành lang bảo vệ đối với đường.

Điều 7. Giới hạn hành lang bảo vệ đối với bến phà, cầu phao được quy định như sau:

1. Theo chiều dọc bến phà, cầu phao, bằng chiều dài đường xuống bến.

2. Theo chiều ngang bến phà, cầu phao: từ tìm bến trở ra mỗi phía là 150m (một trăm năm mươi mét).

Điều 8. Giới hạn hành lang bảo vệ đối với kè, tường chắn, công trình chỉnh trị dòng nước được quy định như sau:

1. Đối với kè chống xói bảo vệ nền đường:

a) Từ đầu kè và từ cuối kè trở về hai phía thượng lưu, hạ lưu mỗi phía 50m (năm mươi mét);

b) Từ chân kè trở ra sông 20m (hai mươi mét).

2. Đối với kè chỉnh trị dòng nước:

a) Từ chân kè về hai phía thượng lưu, hạ lưu mỗi phía 100m (một trăm mét);

b) Từ gốc kè trở vào bờ 50m (năm mươi mét);

c) Từ chân đầu kè trở ra sông 20m (hai mươi mét).

Điều 9. Phạm vi bảo vệ bến xe, bãi đỗ xe, nhà chờ xe, trạm cân xe, trạm điều khiển giao thông, trạm thu phí cầu đường là phạm vi vùng đất, vùng nước của công trình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định trong giấy phép sử dụng.

Điều 10.

1. Giới hạn hành lang bảo vệ hầm đường bộ là vùng đất, đá, khoảng không có khoảng cách từ điểm ngoài cùng của các bộ phận cấu tạo của hầm trở ra là 100m (một trăm mét).

2. Giới hạn hành lang bảo vệ hầm đường bộ trong đô thị được quy định cụ thể trong từng dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 11. Giới hạn hành lang bảo vệ phía trên không được quy định như sau:

1. Đối với đường là 4,5 m (bốn mét năm mươi) từ tìm mặt đường trở lên theo phương thẳng đứng.

2. Đối với cầu là chiều cao của bộ phận cấu tạo cao nhất của cầu, nhưng không thấp hơn 4,8m (bốn mét tám mươi) tính từ mặt sàn cầu trở lên theo phương thẳng đứng.

3. Chiều cao đường dây điện trên công trình giao thông đường bộ hoặc gắn trực tiếp trên kết cấu của cầu phải đảm bảo an toàn cho hoạt động giao thông vận tải và an toàn lưới điện tùy theo điện áp của đường dây điện.

Điều 12. Giới hạn hành lang bảo vệ phía dưới

mặt đất của công trình giao thông đường bộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định cụ thể phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của từng công trình.

Điều 13. Đối với công trình giao thông đường bộ trong khu vực đô thị, giới hạn hành lang bảo vệ công trình phải tuân theo quy định của Nghị định này và Nghị định của Chính phủ số 91/CP ngày 17 tháng 8 năm 1994.

Điều 14. Trong trường hợp giới hạn hành lang bảo vệ công trình giao thông đường bộ phải quy định khác với quy định của Nghị định này để phù hợp với tình hình thực tế của việc cải tạo, mở rộng, nâng cấp hoặc xây dựng mới thì Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định.

Chương III

TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 15.

1. Tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài khi hoạt động trên hệ thống quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường chuyên dùng phải có trách nhiệm bảo vệ công trình giao thông đường bộ.

2. Tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài được phép đầu tư xây dựng, khai thác công trình giao thông đường bộ phải chịu trách nhiệm tổ chức bảo vệ trong thời gian đầu tư xây dựng, khai thác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Cơ quan quản lý đường bộ chủ trì phối hợp với cơ quan địa chính và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) có đường đi qua tiến hành việc đo đạc, cắm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ công trình giao thông đường bộ, làm cơ sở để quản lý và sử dụng đất hành lang bảo vệ đường bộ.

Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì phối hợp với các đơn vị quản lý đường bộ cơ sở tổ chức bảo vệ hành lang bảo vệ công trình giao thông đường bộ.

Điều 17. Cục Đường bộ Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính (sau đây gọi chung là Sở Giao thông vận tải) có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị quản lý đường bộ trực thuộc thực hiện các công việc sau đây:

1. Bố trí đầy đủ các tín hiệu, báo hiệu và các công trình phụ trợ an toàn giao thông đường bộ;

2. Quản lý, duy tu, sửa chữa, bảo đảm trạng thái an toàn kỹ thuật của công trình giao thông đường bộ; thường xuyên kiểm tra để kịp thời phát hiện hư hỏng công trình, mất mát thiết bị giao thông đường bộ, các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình giao thông đường bộ và an toàn giao thông vận tải đường bộ;

3. Xử lý hoặc khắc phục kịp thời khi công trình giao thông bị hư hỏng, thiết bị bị mất mát;

4. Xử lý hoặc báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình giao thông đường bộ; đình chỉ ngay hoạt động gây tổn hại đến an toàn công trình giao thông đường bộ hoặc an toàn giao thông vận tải trên đường bộ.

Điều 18. Lực lượng cảnh sát nhân dân, lực lượng kiểm soát quân sự và các cơ quan bảo vệ pháp luật ở địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm bảo vệ công trình giao thông đường bộ và phối hợp với lực lượng thanh tra giao thông đường bộ, đơn vị quản lý đường bộ trong việc bảo vệ công trình giao thông đường bộ.

Điều 19.

1. Mọi tổ chức, cá nhân khi phát hiện công trình giao thông đường bộ có sự cố hoặc có hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình giao thông đường bộ phải báo ngay cho đơn vị quản lý đường bộ, cơ quan công an hoặc Ủy ban nhân dân địa phương nơi gần nhất.

2. Đơn vị quản lý đường bộ, cơ quan công an hoặc Ủy ban nhân dân địa phương nhận được tin báo phải cử người có trách nhiệm đến ngay nơi xảy ra sự cố hoặc công trình bị vi phạm để có biện pháp xử lý kịp thời, đồng thời báo cáo cơ quan quản lý cấp trên và thông báo cho cơ quan quản lý đường bộ.

Điều 20. Trong trường hợp đặc biệt, việc xây dựng công trình có sử dụng và khai thác khoảng không, vùng đất, vùng nước trong phạm vi bảo vệ công trình giao thông đường bộ thì phải được cơ quan quản lý đường bộ sau đây đồng ý bằng văn bản ngay từ khi lập dự án. Cụ thể như sau:

1. Bộ Giao thông vận tải đối với công trình thuộc dự án nhóm A;

2. Cục Đường bộ Việt Nam đối với công trình thuộc dự án nhóm B, C liên quan đến quốc lộ và công trình xây dựng mới, sửa chữa, nhưng chưa đến mức lập dự án liên quan đến quốc lộ thuộc phạm vi quản lý;

3. Sở Giao thông vận tải đối với công trình liên quan đến đường địa phương và công trình xây dựng mới, sửa chữa, nhưng chưa đến mức lập dự án liên quan đến quốc lộ thuộc phạm vi quản lý;

4. Việc thi công công trình nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này chỉ được tiến hành khi có giấy phép thi công của Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.

Điều 21. Các công trình xây dựng có sử dụng và khai thác khoảng không, vùng đất, vùng nước ngoài phạm vi bảo vệ công trình giao thông đường bộ nhưng ảnh hưởng đến an toàn công trình giao thông đường bộ hoặc an toàn cho hoạt động giao thông vận tải đường bộ phải được cơ quan quản lý đường bộ sau đây tham gia ý kiến bằng văn bản ngay từ khi lập dự án:

1. Bộ Giao thông vận tải đối với công trình thuộc dự án nhóm A;

2. Cục Đường bộ Việt Nam đối với công trình thuộc dự án nhóm B, C có ảnh hưởng đến quốc lộ;

3. Sở Giao thông vận tải đối với công trình thuộc dự án nhóm B, C ảnh hưởng đến đường địa phương.

Điều 22. Một số công trình được phép sử dụng hành lang bảo vệ đường bộ hoặc ngoài hành lang, nhưng ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường bộ phải tuân theo quy định sau đây:

1. Các cột điện, điện tín, điện thoại ở ngoài phạm vi nội thành, nội thị hoặc khu đông dân cư phải cách mép nền đường một khoảng cách ít nhất bằng chiều cao của cột;

2. Lò vôi, lò đúc kim loại, lò gạch, lò thủy tinh, lò gốm phải cách chân nền đường ít nhất 25m (hai mươi lăm mét);

3. Các kho chứa chất nổ, chất độc, chất dễ cháy và những mỏ khai thác bằng mìn, ngoài phạm vi hành lang bảo vệ đường bộ còn phải có một khoảng cách an toàn theo quy định của pháp luật hiện hành;

4. Nơi họp chợ phải cách chân đường hoặc mép đường ít nhất 100m (một trăm mét) và phải tuân theo quy hoạch;

5. Các trạm xăng dầu chỉ được sử dụng tạm thời hành lang bảo vệ đường bộ làm đường dẫn và sân chờ; không được xây dựng kiến trúc nào khác;

6. Việc sử dụng hành lang bảo vệ đường bộ liên quan tới công trình an ninh, quốc phòng liên kết phải thống nhất với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

Điều 23. Việc sử dụng công trình trong phạm vi bảo vệ đường bộ phải theo đúng văn bản thỏa thuận và giấy phép thi công của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

Trước khi thi công và sau khi thi công xong phải báo cho đơn vị trực tiếp quản lý công trình giao thông đường bộ biết để kiểm tra.

Điều 24.

1. Trong hành lang bảo vệ đường bộ dọc hai bên đường ngoài đô thị được phép trồng cây hoa màu, cây lương thực, cây ăn quả, cây lấy gỗ, nhưng phải tuân theo các quy định sau đây:

a) Đối với đường đắp, phải trồng cách mép chân

đường ít nhất 1m (một mét) đối với cây hoa màu, cây lương thực và ít nhất 2m (hai mét) đối với cây ăn quả, cây lấy gỗ;

b) Đối với đường đào, phải trồng cách mép đỉnh mái đường hoặc mép ngoài rãnh đỉnh ít nhất 6m (sáu mét);

c) Chỉ trồng các cây lấy gỗ có rễ cọc ăn sâu. Không được để cành cây lấn ra quá phạm vi tính không quy định của đường.

2. Trong hành lang bảo vệ đường bộ dọc hai bên đường không được trồng các loại cây tại ngã ba, ngã tư, nơi giao cắt với đường sắt và ở những vị trí làm ảnh hưởng đến tầm nhìn của người điều khiển phương tiện.

Điều 25. Các công trình văn hóa, lịch sử được xếp hạng bảo tồn, kể cả những khu rừng nguyên sinh trong phạm vi hành lang bảo vệ đường bộ được giữ nguyên và bảo vệ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 26.

1. Ngoài các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 20 của Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông, đối với công trình giao thông đường bộ còn nghiêm cấm các hành vi sau đây:

a) Thả rông, chèn dất súc vật ở mặt đường, mái đường và buộc súc vật vào hàng cây hai bên đường, vào các cọc tiêu, biển báo hoặc các công trình phụ trợ an toàn giao thông khác;

b) Đào mương ở dưới gầm cầu, lợi dụng thân đường làm mương, làm ao; phá hoặc đốt rừng sát dọc hai bên đường bộ;

c) Khai thác trái phép cát, đá, sỏi hoặc các hành vi khác làm ảnh hưởng đến an toàn công trình giao thông đường bộ;

d) Tự ý xây dựng, đào phá, bắn súng, nổ mìn, đốt lửa, neo buộc tàu thuyền hoặc bất kỳ việc gì ảnh hưởng đến an toàn của cầu.

2. Nghiêm cấm các hành vi ngăn cấm đường hoặc làm cản trở giao thông, nếu không có giấy phép của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

Trong trường hợp do yêu cầu an ninh, chính trị, trật tự xã hội, quốc phòng thì cơ quan công an có thẩm quyền được phép tạm thời đình chỉ hoặc hạn chế giao thông để làm nhiệm vụ nhưng phải báo ngay cho cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền biết để phối hợp công tác, tránh ách tắc giao thông.

Điều 27.

1. Việc xây dựng công trình thủy lợi có liên quan đến công trình đường bộ phải được sự thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Nghị định này. Việc xây dựng công trình đường bộ có liên quan đến công trình thủy lợi phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý công trình thủy lợi.

2. Trong trường hợp khẩn cấp, cơ quan phòng chống lụt bão, chống hạn, chống úng có thể sử dụng công trình giao thông đường bộ, nhưng không được làm ảnh hưởng đến độ bền vững của công trình và khi hoàn thành nhiệm vụ, có trách nhiệm khôi phục trạng thái ban đầu của công trình giao thông đường bộ.

3. Trường hợp các cơ quan quản lý công trình đường bộ và cơ quan quản lý công trình thủy lợi đều có kế hoạch xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp công trình, thì việc xây dựng mới, cải tạo nâng cấp công trình phải kết hợp với nhau.

4. Việc xây dựng công trình mới làm ảnh hưởng đến độ bền vững của công trình có trước hoặc làm trở ngại đến tác dụng của công trình đó thì cơ quan chủ quản công trình xây dựng mới phải có biện pháp xử lý bằng kỹ thuật theo sự thỏa thuận của cơ quan chủ quản công trình cũ bị ảnh hưởng và chịu phí tổn để sửa chữa, khôi phục. Nếu đồng thời muốn cải tạo, mở rộng nâng cấp công trình có trước, thì cơ quan chủ quản công trình cũ phải đầu tư phần tăng thêm.

5. Việc quản lý, sử dụng những đoạn đê vừa là đường giao thông, vừa là đê phải tuân theo pháp luật về bảo vệ đê điều và pháp luật về bảo vệ công trình giao thông đường bộ trên nguyên tắc ưu tiên hàng đầu cho việc đảm bảo an toàn đê điều.

Chương IV

**TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ
BẢO VỆ CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐƯỜNG BỘ**

Điều 28. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm:

1. Trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ công trình giao thông đường bộ; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó;

2. Chỉ đạo, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường bộ trong phạm vi cả nước;

3. Tổ chức bộ máy quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường bộ do Trung ương quản lý; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức bộ máy quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường bộ của địa phương;

4. Tổ chức, chỉ đạo và giám sát hoạt động của lực lượng thanh tra giao thông đường bộ trong phạm vi cả nước;

5. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các ngành liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ công trình giao thông đường bộ;

6. Phối hợp với Bộ Tài chính cân đối kinh phí thực hiện kế hoạch giải tỏa hành lang bảo vệ công trình giao thông đường bộ đối với đường do Trung ương quản lý;

7. Xây dựng kế hoạch, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện công tác phòng, chống và khắc phục hư hại công trình giao thông đường bộ do thiên tai, dịch họa;

8. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại và tố cáo liên quan đến bảo vệ công trình giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Cục Đường bộ Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm:

1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ công trình giao thông đường bộ để Bộ Giao thông vận tải trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền;

2. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường bộ thuộc Cục;

3. Chỉ đạo, kiểm tra hoạt động của lực lượng thanh tra giao thông đường bộ do Cục trực tiếp quản lý;

4. Chỉ đạo, kiểm tra hoạt động các trạm đếm, phân loại xe; các trạm kiểm tra tải trọng, kích thước xe quá khổ, quá tải;

5. Hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra việc cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình giao thông đường bộ gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ;

6. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc cấp, thu hồi giấy phép hoạt động ngoài phạm vi bảo vệ công trình đường bộ, nhưng ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn công trình giao thông đường bộ;

7. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác phòng chống và khắc phục hư hỏng công trình giao thông đường bộ do thiên tai, dịch họa gây ra trên quốc lộ;

8. Phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ công trình giao thông đường bộ;

9. Xây dựng kế hoạch giải tỏa phạm vi hành lang bảo vệ công trình giao thông đường bộ đối với hệ thống quốc lộ;

10. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại và tố cáo liên quan đến bảo vệ công trình giao thông đường bộ thuộc trách nhiệm của Cục theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

1. Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định về bảo vệ công trình giao thông đường bộ phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của

Nhà nước, của Bộ Giao thông vận tải và điều kiện cụ thể của địa phương;

2. Tổ chức bộ máy quản lý, bảo vệ các hệ thống đường bộ địa phương;

3. Tổ chức chỉ đạo và kiểm tra Sở Giao thông vận tải trong các lĩnh vực sau đây:

a) Hoạt động của lực lượng thanh tra giao thông của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải;

b) Cấp, thu hồi Giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình giao thông gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ của địa phương. Yêu cầu, kiến nghị về việc cấp, thu hồi Giấy phép hoạt động ngoài phạm vi bảo vệ, nhưng ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn công trình giao thông đường bộ của địa phương.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong các lĩnh vực sau đây:

a) Bảo vệ các công trình giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh;

b) Quản lý, sử dụng đất đai trong và ngoài phạm vi bảo vệ công trình giao thông đường bộ phù hợp với các quy định của pháp luật về đất đai, quy định về quản lý xây dựng hai bên đường bộ và pháp luật về bảo vệ công trình giao thông, an toàn giao thông vận tải đường bộ;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị quản lý đường bộ trong việc giải tỏa phạm vi bảo vệ công trình giao thông đường bộ bị vi phạm;

5. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để khôi phục giao thông kịp thời khi bị thiên tai, địch họa;

6. Tổ chức và chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ công trình giao thông đường bộ trong phạm vi địa phương;

7. Cân đối kinh phí hàng năm để thực hiện việc giải tỏa phạm vi hành lang bảo vệ đường địa phương;

8. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại và tố cáo liên

quan đến việc bảo vệ công trình giao thông đường bộ trong phạm vi địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ công trình giao thông đường bộ;

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ công trình giao thông đường bộ;

3. Tổ chức, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình giao thông đường bộ trên địa bàn huyện;

4. Tổ chức thực hiện việc giải tỏa phạm vi bảo vệ công trình giao thông đường bộ trên địa bàn huyện;

5. Tổ chức quản lý việc sử dụng đất đai trong và ngoài phạm vi bảo vệ công trình giao thông đường bộ phù hợp với các quy định của pháp luật về đất đai, quy định về quản lý xây dựng hai bên đường bộ và pháp luật về bảo vệ công trình giao thông, an toàn giao thông vận tải đường bộ trên địa bàn huyện;

6. Cấp, thu hồi giấy phép thi công công trình giao thông đường bộ được phân cấp quản lý;

7. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để khôi phục giao thông kịp thời khi bị thiên tai, địch họa;

8. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại và tố cáo liên quan đến việc bảo vệ công trình giao thông đường bộ trong địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Bộ Công an có trách nhiệm:

1. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ công trình giao thông đường bộ;

2. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng lập phương án bảo vệ các công trình giao thông đường bộ đặc biệt quan trọng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và triển khai thực hiện;

3. Chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng công an kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình giao thông đường bộ.

Điều 33. Bộ Xây dựng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc quy hoạch và xây dựng các đô thị, các điểm dân cư, các công trình khác nằm dọc hai bên đường bộ.

Điều 34. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi có liên quan đến công trình giao thông đường bộ; chỉ đạo, hướng dẫn việc trồng cây trong hành lang bảo vệ đường bộ.

Điều 35. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

1. Bảo đảm kinh phí quản lý, duy tu, sửa chữa, bảo vệ công trình giao thông đường bộ được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên cơ sở kế hoạch ngân sách hàng năm được Chính phủ phê duyệt;

Chủ các công trình đường bộ được đầu tư xây dựng bằng các nguồn vốn khác phải tự bảo đảm kinh phí để quản lý, duy tu, sửa chữa và bảo vệ công trình đó;

2. Kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước chi cho việc quản lý, duy tu, sửa chữa, bảo vệ công trình giao thông đường bộ, đảm bảo đúng mục đích;

3. Chủ trì phối hợp với Bộ Giao thông vận tải cân đối kinh phí thực hiện kế hoạch giải tỏa hành lang bảo vệ công trình giao thông đường bộ.

Điều 36. Tổng cục Địa chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc khảo sát, đo đạc, phân loại đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ đường bộ để quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi lập quy hoạch xây dựng mới hoặc cải tạo công trình có ảnh hưởng đến an toàn các công trình giao thông đường bộ phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Giao thông vận tải.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 38. Tổ chức, cá nhân có một trong những thành tích sau đây được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường bộ;

2. Có đóng góp công sức, của cải vào việc bảo vệ công trình giao thông đường bộ;

3. Phát hiện, tố giác hành vi xâm phạm, phá hoại công trình giao thông.

Điều 39. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về bảo vệ công trình giao thông đường bộ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả xảy ra mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định số 49/CP ngày 26 tháng 7 năm 1995, quy định sửa đổi tại Nghị định số 78/1998/ND-CP ngày 26 tháng 9 năm 1998 của Chính phủ và quy định tại Điều 40 của Nghị định này.

Trường hợp vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 40.

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền 20.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chắn dất súc vật ở mái đường, buộc súc vật vào hàng cây hai bên đường hoặc các cọc tiêu, biển báo, các công trình phụ trợ an toàn giao thông đường bộ;

b) Tự ý leo trèo lên mố, trụ và dầm cầu.

2. Phạt tiền 50.000 đồng đối với hành vi lấn chiếm đường giao thông để bày bán hàng hóa gây cản trở cho việc khai thác, sử dụng công trình giao thông đường bộ.

3. Phạt tiền 300.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô không tuân theo báo hiệu giao thông, sự chỉ dẫn của nhân viên hướng dẫn giao thông, thanh

tra giao thông khi qua đường, qua cầu, qua phà, qua các đoạn đường nguy hiểm.

4. Phạt tiền 1.000.000 đồng đối với hành vi đốt lửa, neo đậu tàu thuyền trong hành lang bảo vệ hoặc các hành vi khác làm ảnh hưởng đến an toàn của cầu.

5. Phạt tiền 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lấn chiếm phạm vi bảo vệ công trình giao thông đường bộ để xây dựng nhà ở, lều quán hoặc các công trình khác;

b) Di chuyển chậm trễ các công trình, nhà ở, lều quán hoặc cố tình trì hoãn việc di chuyển gây trở ngại cho việc xây dựng, cải tạo mở rộng và bảo vệ công trình giao thông đường bộ khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Tự ý ngăn cấm đường giao thông hoặc làm cản trở giao thông;

d) Chiếm dụng đường giao thông để làm nơi buôn bán vật liệu xây dựng, rửa xe.

6. Phạt tiền 3.000.000 đồng đối với hành vi đào mương dưới gầm cầu, lợi dụng thân đường làm mương, làm ao.

7. Phạt tiền 5.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, đào phá, nổ mìn, khai thác cát, đá, sỏi hoặc các hành vi khác làm ảnh hưởng đến an toàn công trình giao thông đường bộ.

Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm các quy định tại Điều này còn phải tháo dỡ công trình, nhà ở, lều quán đã lấn chiếm, di chuyển ngay công trình, nhà ở, lều quán trong thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quy định; khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm gây ra; bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra.

Điều 41. Ủy ban nhân dân các cấp, lực lượng cảnh sát nhân dân và thanh tra giao thông đường bộ có thẩm quyền xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định số 49/CP ngày 26 tháng 7 năm 1995, quy định sửa đổi tại Nghị định số 78/1998/

NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 1998 của Chính phủ và quy định tại Điều 40 của Nghị định này.

Điều 42. Việc xử lý đối với các công trình nằm trong hành lang bảo vệ công trình giao thông đường bộ đã có trước ngày ban hành Nghị định này được quy định như sau:

1. Giải tỏa ngay các công trình gây nguy hại đến sự ổn định của công trình giao thông đường bộ như gây lún, sụt, lở, nứt, đổ vỡ hoặc gây mất an toàn cho hoạt động giao thông vận tải đường bộ;

2. Giải tỏa dần những công trình xét thấy chưa ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định của công trình giao thông đường bộ và an toàn hoạt động giao thông vận tải đường bộ, với điều kiện chủ công trình phải cam kết với Ủy ban nhân dân địa phương và cơ quan quản lý đường bộ về việc giữ nguyên hiện trạng, không coi nới, không phát triển thêm, dỡ bỏ công trình khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2000.

Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Nghị định này, trừ trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép giới hạn hành lang bảo vệ nhỏ hơn đối với một số dự án nâng cấp, cải tạo đường bộ.

Điều 44. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

Điều 45. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

09661603

Tel: +84-8-3845 6684 * www.TrungTiepLuu.com